TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/2/2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Hồng Nước

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lê Quang Trí

2. Ông Huỳnh Ngọc Trước

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Trang – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2024 về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 02/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 04/02/2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Ngọc T, sinh năm 1973.

Địa chỉ: Số A, L, khóm D, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

Bị đơn: Anh N, D, sinh năm 1957.

Địa chỉ: I D, W, CA I, Hoa Kỳ.

Chị Lê Ngọc T có mặt; Anh N, D vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn chị Lê Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Ngọc T và anh N, D chung sống với nhau năm 2014. Hôn nhân qua mai mối, có tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn vào ngày 05/12/2016 tại UBND thành phố S. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2017 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là

do vợ chồng xa cách. Sau khi kết hôn anh N, D về Mỹ sinh sống còn chị T ở lại Việt Nam. Sau khi anh Nguyen D về Mỹ chỉ liên lạc với chị T qua mạng xã hội. Từ khi kết hôn với chị T anh N, D chỉ về Việt Nam được 4 lần. Thời gian chung sống với nhau không nhiều bất đồng về quan điểm và khoảng cách vợ chồng quá xa nên không thể hàn gắn tình cảm do đó mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Đến năm 2017 chị T biết được anh D có người phụ nữ khác. Từ năm 2017 đến nay chị T và anh N, D không còn liên lạc với nhau nữa không ai quan tâm đến ai. Nhận thấy tình cảm không còn nay chị T yêu cầu được ly hôn với anh N, D.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh N, D đã nhận được thông báo thụ lý của Tòa án nhưng vắng mặt tại phiên tòa và không có văn bản trình bày ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Chị Lê Ngọc T và anh N, D, đăng ký kết hôn tại UBND thành phố S và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 05/12/2016, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam được xem là hôn nhân hợp pháp.

[2]. Chị Lê Ngọc T là người có quốc tịch Việt Nam xin ly hôn với anh N, D là người có quốc tịch Hoa Kỳ, theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 470 của Bộ Luật tố tụng dân sự nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thì yêu cầu của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án Việt Nam; Căn cứ quy định tại Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 của N1 thì vụ án ly hôn này được áp dụng pháp luật Việt Nam để giải quyết.

[3] Anh N, D đã nhận được thông báo thụ lý vụ án do Tòa án tống đạt qua đường bưu chính có nêu thời gian mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất và lần thứ 2 nhưng tại phiên tòa lần thứ 2 anh N, D vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt anh N, D là phù hợp với quy định tại Điều 477 Bộ Luật tố tụng dân sự.

[4] Xét yêu cầu của chị Lê Ngọc T xin được ly hôn với anh N, D, Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi kết hôn anh N, D sang sinh sống tại Hoa Kỳ, còn

chị T sinh sống tại Việt Nam, giữa chị T và anh N, D thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm và khoảng cách về địa lý nên vợ chồng không thể hàn gắn tình cảm. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T.

[5] Về con chung, tài sản chung, nợ chung chị T xác định không có nên Hội đồng xét xử không đặt vấn đề để giải quyết.

[6] Về án phí sơ thẩm: Chị T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Về chi phí tố tụng: Chị T phải nộp chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 9, 56 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b khoản 1 Điều 470, Điều 477 Bộ Luật tố tụng dân sự của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Cho chị Lê Ngọc T và anh N, D ly hôn.

- Về án phí: Chị Lê Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự về hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003126 ngày 23/4/2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp.

- Về chi phí tố tụng khác: Chị Lê Ngọc T phải chịu lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn chị Lê Ngọc T được quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn anh N, D được quyền kháng cáo bản án này lên Toà án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- VKSND Tỉnh ĐT;
- Cục THADS Tỉnh;
- Phòng TT, KT và THA TA Tỉnh;
- Các đương sự;
- UBND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND thành phố Sa Đéc;
- Lưu: HSVA, VT (Trang).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký tên đóng dấu

Lê Hồng Nước